

VẤN ĐỀ PHÁP NHÂN CỦA PHẬT GIÁO Ở VIỆT NAM TRƯỚC NĂM 1954

Tóm tắt: Pháp nhân, gọi đầy đủ là tư cách pháp nhân, là địa vị pháp lý, sự hợp pháp của một tổ chức chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và tôn giáo. Pháp nhân tôn giáo là sự thừa nhận sự hợp pháp của chính quyền đối với tổ chức tôn giáo. Bài viết bàn về vấn đề pháp nhân của Phật giáo liên quan đến phong trào chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ XX với sự xuất hiện nhiều tổ chức Phật giáo ở cả ba miền trong cả nước, nhất là ở Nam Kỳ. Trước năm 1954, có đến trên dưới 20 tổ chức Phật giáo được thành lập ở những thời gian, địa điểm cụ thể. Mỗi một tổ chức Phật giáo khi thành lập dù với cơ chế tổ chức, phạm vi hoạt động khác nhau nhưng đều liên quan đến người sáng lập, lãnh đạo, đến điều lệ (hiến chương),... Và hầu hết các tổ chức Phật giáo ra đời thời kỳ này đều có sự chấp thuận của chính quyền đương thời.

Từ khoá: Chính sách tôn giáo, pháp nhân tôn giáo; các tổ chức Phật giáo, Việt Nam.

Dẫn nhập

Phật giáo là tôn giáo được truyền vào Việt Nam từ đầu Công nguyên, chủ yếu từ Ấn Độ và Trung Quốc. Phật giáo Việt Nam gồm cả hai dòng Phật giáo Nam tông và Phật giáo Bắc tông. Riêng Phật giáo Bắc tông duy trì nhiều sơn môn tu hành tạo ra sự đa dạng của Phật giáo ở Việt Nam. Trong quá trình tồn tại và phát triển, Phật giáo góp phần quan trọng trong việc hình thành văn hoá, lối sống của dân tộc Việt Nam, góp phần gìn giữ, bảo vệ chủ quyền và nền độc lập dân tộc. Vì nhiều lý do, cả chủ quan và khách quan, cuối thế kỷ XIX, đầu

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Tín ngưỡng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 8/11/2023; Ngày biên tập: 15/11/2023; Duyệt đăng: 15/12/2023.

thế kỷ XX, cũng như Phật giáo trên thế giới, Phật giáo Việt Nam sau một thời kỳ suy vi, đến thời kỳ chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ XX, tạo ra diện mạo mới của Phật giáo Việt Nam, trong đó có sự ra đời nhiều tổ chức hệ phái Phật giáo mới.

Vấn đề pháp nhân tôn giáo ở Việt Nam là vấn đề mới, chỉ được thực hiện từ khi Pháp đô hộ Việt Nam, và liên quan đến sự xuất hiện những tổ chức tôn giáo mới, hoặc được thành lập tại Việt Nam, hoặc du nhập từ nước ngoài vào. Đến nay, vấn đề pháp nhân tôn giáo nói chung, cũng như pháp nhân tôn giáo của Phật giáo nói riêng, chưa có những công trình được công bố. Bài viết này dựa vào các tư liệu nghiên cứu về lịch sử Phật giáo Việt Nam, về phong trào chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam thế kỷ XX, tiêu biểu là những ấn phẩm về lịch sử Phật giáo Việt Nam, như Vân Thanh (1974), *Lược khảo Phật giáo Việt Nam qua các thời đại và phát nguồn của các giáo phái Phật giáo*; Nguyễn Lang (1985, 2019), *Việt Nam Phật giáo sử luận* - Tập 3; Viện Triết học (1991), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*; Thích Minh Tuệ (1993), *Lược sử Phật giáo Việt Nam*; Mai Thọ Truyền (2007), *Phật giáo Việt Nam*; Nguyễn Đại Đồng (2008), *Lược khảo báo chí Phật giáo Việt Nam 1929-2008*,... Những ấn phẩm về phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam, như: Sa môn Thích Thiện Hoa (1970), *50 năm (1929-1970) chấn hưng Phật giáo Việt Nam - Tập 1*; Lê Tâm Đắc (2012), *Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam 1924-1954*; Ninh Thị Sinh (2020), *Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ - Trường hợp Hội Phật giáo 1934-1945* (2020); Dương Thanh Mừng (2022), *Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở miền Nam Việt Nam*, v.v... là những tài liệu quý để phân tích vấn đề tư cách pháp nhân của các tổ chức Phật giáo¹ ở Việt Nam thế kỷ XX.

Pháp nhân tôn giáo ở Việt Nam thời kỳ đổi mới là một nội dung quan trọng trong công tác tôn giáo nói chung, công tác quản lý hoạt động tôn giáo nói riêng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, nhận thức về pháp nhân tôn giáo còn có những ý kiến khác nhau. Bài viết này cung cấp thông tin về pháp nhân của Phật giáo trước năm 1954 để làm rõ những chặng đường pháp nhân tôn giáo ở Việt Nam, cả lịch sử và hiện tại.

1. Pháp nhân của các tổ chức Phật giáo trong phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Nam Kỳ

Pháp nhân tôn giáo là sự thừa nhận sự hợp pháp của chính quyền đối với tổ chức tôn giáo. Sau Cách mạng tư sản 1789, nước Pháp thành lập nên Cộng hoà thực hiện nguyên tắc tách tôn giáo khỏi chính trị (còn gọi là chính giáo phân ly) và thực hiện điều chỉnh hoạt động tôn giáo bằng pháp luật, trong đó có quy chế về vấn đề pháp nhân của tổ chức tôn giáo (theo cơ chế hiệp hội thể tục). Khi Pháp xâm lược Việt Nam, vấn đề pháp nhân nói chung và vấn đề pháp nhân tôn giáo đều được thực hiện ở cả ba miền mặc dù với cơ chế cai trị khác nhau (quen gọi là chế độ thuộc địa nửa phong kiến). Pháp nhân tôn giáo ở Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc chủ yếu đối với các tổ chức tôn giáo mới hình thành, có thể từ bên ngoài truyền vào hoặc mới ra đời ở Việt Nam. Dấu ấn pháp nhân tôn giáo ở Việt Nam là đối với các tổ chức Phật giáo ra đời trong phong trào Chấn hưng Phật giáo nửa đầu thế kỷ XX.

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Phật giáo trên thế giới xuất hiện phong trào chấn hưng, khởi đầu từ Ấn Độ, Sri Lanka với vai trò khởi xướng của Tỳ kheo Dharmapala vào năm 1891. Từ Ấn Độ, Sri Lanka, phong trào Chấn hưng Phật giáo lan sang Trung Quốc năm 1912 với vai trò của Cư sĩ Dương Văn Hội (1837-1911) khởi xướng từ cuối thế kỷ XIX. Sau đó Hòa thượng Thái Hư (1889-1947) tiếp tục mở rộng từ đầu thế kỷ XX [Holmes Welch, 2023].

Chấn hưng Phật giáo từ Trung Quốc lan sang Việt Nam và trở thành phong trào cả nước. Tuy nhiên, đến nay vẫn có những ý kiến khác nhau về thời gian phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam, vì liên quan đến hai tổ chức là Lục hoà Liên hiệp và Liên đoàn Học xã. Đa số ý kiến cho rằng khởi đầu chấn hưng Phật giáo ở Nam Kỳ liên quan đến các cuộc gặp gỡ vào khoảng giữa năm 1923 của một số tăng sĩ và cư sĩ có ảnh hưởng trong Phật giáo và ngoài xã hội, như Khánh Hoà, Huệ Quang, Trí Thiên, Từ Phong,... nhân ngày giỗ tổ chùa Long Hoà, quận Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Cuộc gặp gỡ đã bàn đến việc chỉnh đốn Phật giáo, trong đó có ý tưởng thành lập tổ chức Phật giáo chung cho cả nước. Sau đó, sự nỗ lực của Hoà thượng Khánh Hoà và các sư, như Huệ Quang, Từ Phong, Thiện Chiếu,... đưa

đến kết quả đầu tiên của phong trào Chấn hưng Phật giáo là việc ra đời Hội Lục hoà Liên hiệp [Nguyễn Lang, 2019: 21]. Dấu ấn đặc biệt quan trọng về tổ chức này là tháng 12/1927, từ cơ sở *Phật học Thư xã* (Mỹ Tho), Hòa thượng Khánh Hòa xin phép thành lập tổ chức *Hội Phật giáo Nam Kỳ* cùng với Quy điều hoạt động gồm 11 chương 38 điều. Mặc dù có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, nhưng chính quyền đương thời vẫn từ chối vì “*Một số điều khoản nêu ra trong bản Quy điều hoạt động được cho là không phù hợp với công cuộc trị an*” [Duong Thanh Mừng, 2022: 164]. Không nản lòng, ngày 01/4/1928, Hòa thượng Khánh Hòa lại làm đơn trình xin thành lập tổ chức vẫn mang tên *Hội Phật giáo Nam Kỳ* cùng với bản dự thảo Điều lệ đã tu chỉnh với sáu chương 41 Điều. Chính quyền Pháp vẫn từ chối vì hai lý do chính: một là có một số chùa Phật giáo đang là nơi hoạt động của đạo Cao Đài, trong khi đạo Cao Đài đang bị chính quyền kiểm chế; hai là “*lo sợ mượn vỏ chấn hưng khích lệ tinh thần dân tộc của dân bản xứ*” [Ninh Thị Sinh, 2020: 74].

Mặc dù xin cấp phép chưa được, nhưng lấy danh cơ sở *Phật học Thư xã*, ngày 13/8/1928, tạp chí *Pháp Âm* ra số đầu tiên (đây là tạp chí Phật học viết bằng chữ Quốc ngữ đầu tiên ở Việt Nam) đặt tại chùa Xoài Hột (Mỹ Tho) do Hòa thượng Khánh Hòa làm chủ bút. Cùng với tạp chí *Pháp Âm* còn có tờ *Phật Hóa Tân Thanh Niên* (cũng bằng chữ Quốc ngữ) để cổ động tinh thần Phật giáo trong tầng lớp thanh niên [Thích Thiện Hoa, 1970: 34]. Cũng thời gian này, ngày 30/4/1931, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định số 2683 cho phép xuất bản tạp chí *Từ Bi Âm* do cư sĩ Phạm Ngọc Vinh là người sáng lập, Hòa thượng Bích Liên làm chủ bút, Hoà thượng Khánh Hòa làm chủ nhiệm [Nguyễn Đại Đồng, 2008: 28]. Sau khi không được chính quyền Pháp chấp thuận cho thành lập Hội Phật giáo Nam Kỳ, Hòa thượng Khánh Hòa, các sư Huệ Quang, Giác Hải, Thiện Chiếu,... và một số cư sĩ, như: Trần Nguyên Chấn, Huỳnh Văn Quyên, Trần Văn Khuê, Phạm Ngọc Vinh,... xin thành lập tổ chức hiệp hội mang tính thể tục với danh xưng *Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học* (quen gọi là *Hội Nam Kỳ Phật học*) đặt tại chùa Linh Sơn (Sài Gòn). Sau một thời gian xem xét, ngày 26/8/1931, Thống đốc Nam Kỳ là Jean Félix Krautheimer ra Nghị định số 2062 chấp thuận tổ chức và phê chuẩn bản Điều lệ (gồm 11 chương với 38 điều) của *Hội Nam*

Kỳ Nghiên cứu Phật học (Association pour l'Erude et la Cónervation du Bouddhisme en Cochinchine). Trụ sở của Hội đặt tại chùa Linh Sơn, số 149 đường Douaumot, Sài Gòn (nay là đường Cô Giang) [Thích Thiện Hoa, 1970: 36]. Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học do Hoà thượng Khánh Hòa giữ chức Hội trưởng, Hoà thượng Trí Thiên giữ chức Phó Hội trưởng thứ nhất, ông Trần Nguyên Chấn giữ chức Phó Hội trưởng thứ nhì, ông Nguyễn Văn Nhơn giữ chức Thủ quỹ, ông Lê Văn Phổ giữ chức Thư ký. Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học có các công chức của Pháp tham gia với tư cách là thành viên danh dự [Dương Thanh Mừng, 2022: 173].

Đầu những năm 1930, cụ thể là năm 1932, ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, tổ chức *Long Xuyên Phật học Liên Hữu Hội* được thành lập với vai trò của sư trụ trì chùa Bình An, Long Xuyên (nay là thuộc tỉnh An Giang) và các cư sĩ Trần Tuệ Định, Nguyễn Văn Chân và Đặng Văn Còn. Ngày 18/3/1932, Thống đốc Nam Kỳ là Jean Félix Krautheimer ban hành Nghị định số 576 cho phép thành lập *Long Xuyên Phật Học Liên Hữu Hội (Association Mulluelle des Bouhhdistes de la province de Long Xuyen)*. Trụ sở của Hội đặt tại chùa Bình An, Long Xuyên. Như vậy, xét về mặt pháp lý, theo Dương Thanh Mừng, Long Xuyên Phật Học Liên Hữu Hội là tổ chức Phật giáo thành lập sớm, đứng thứ hai sau Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học [Dương Thanh Mừng, 2022: 190].

Năm 1934, tại chùa Thiên Phước (còn gọi là chùa Giồng Đá), huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, Hoà thượng Từ Phong, Hoà thượng Lê Phước Chí cùng một số cư sĩ Phật giáo là các quan chức trong vùng đã thành lập *Hội Phật Học Tương Tế*. Ngày 11/6/1934, Thống đốc Nam Kỳ Jean Félix Krautheimer phê chuẩn Nghị định số 1655 công nhận Hội Phật Học Tương Tế (*Association Mutuelle pour la Diffusion des Prèceptes Bouhhdiques*) cùng với bản Điều lệ gồm 19 điều (sau này bổ sung thành 38 điều). Ngày 29/4/1935, Toàn quyền Đông Dương René Robin ký Quyết định 2335 chấp thuận Hội Phật Học Tương Tế xuất bản tạp chí *Bồ Đề* do Hoà thượng Lê Phước Chí làm chủ nhiệm, cư sĩ Trần Quang Ngân chịu trách nhiệm quản lý [Nguyễn Đại Đồng, 2008: 81].

Cùng thời gian này, năm 1934 dưới sự vận động và thúc đẩy của Hoà thượng Khánh Hoà, Hoà thượng Huệ Quang, cùng một số cư sĩ Phật giáo như ông Huỳnh Thái Cửu, ông Ngô Trung Tín, Huỳnh Văn Ngà,... là những công chức, nghiệp chủ ở Trà Vinh, Bến Tre đã thành lập tổ chức *Lưỡng Xuyên Phật Học Hội*, đặt trụ sở tại chùa Long Phước, tỉnh Trà Vinh [Nguyễn Lang, 2019: 46]. Ngày 13/8/1934, Thống đốc Nam Kỳ là Michel Pagès ra Nghị định số 2286 công nhận Lưỡng Xuyên Phật Học Hội (*Association d'Études Bouddhiques Dénommée Luong Xuyen*) cùng với bản Điều lệ (năm chương 19 điều). Nhân sự lãnh đạo Lưỡng Xuyên Phật Học Hội do ông Huỳnh Thái Cửu giữ chức Hội trưởng, ông Ngô Trung Tín giữ chức Phó Hội trưởng, ông Thái Phước giữ chức Thủ quỹ, ông Lữ Long Giao giữ chức Thư ký. Hoà thượng Khánh Hoà danh vị Đại Pháp sư, Hoà thượng Từ Phong danh vị Đại Đạo sư. Sau một năm hoạt động, năm 1935, Lưỡng Xuyên Phật Học Hội tổ chức Đại hội bổ sung Điều lệ, được Thống đốc Nam Kỳ chuẩn y bằng Nghị định số 3112, ngày 20/9/1935. Đại hội thường niên nhiệm kỳ năm 1936, bản Điều lệ của Lưỡng Xuyên Phật Học Hội tiếp tục được điều chỉnh bổ sung và Thống đốc Nam Kỳ lại phê chuẩn bằng Nghị định số 1757, ngày 28/5/1936.

Giữa năm 1934, *Hội Thiên Thai Thiên Giáo Tông Liên Hữu* do Hoà thượng Huệ Đăng (1873-1953) cùng một số cư sĩ Phật giáo, như: Phạm Hữu Đức, Thái Văn Chanh, Đỗ Phước Tâm, Phan Văn Sô, Trương Văn Tý,... ở Bà Rịa lập ra. Mục đích của hội là chấn chỉnh và mở rộng phổ biến giáo lý Phật giáo, thành lập các Phật đường và hoạt động từ thiện để phát huy công đức theo tinh thần Phật giáo. Ngày 19/10/1934, Thống đốc Nam Kỳ là Michel Pagès ban hành Nghị định số 2954 chấp thuận hoạt động của Hội Thiên Thai Thiên Giáo Tông Liên Hữu (*Société d'étude du Bouddhisme et de Secours Mutuels*) gọi tắt là Thiên Thai Thiên Giáo Tông và bản Điều lệ gồm 27 điều. Trụ sở của Hội Thiên Thai Thiên Giáo Tông Liên Hữu đặt tại chùa Thiên Thai, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa [Dương Thanh Mừng, 2022].

Năm 1934, thêm một tổ chức Phật giáo ra đời ở Gia Định với tên gọi là *Hội Phước Thiện Nhà Phật* (*Association Bouddhiste Pratiquant la Charité*). Người sáng lập tổ chức này là sư Giai Minh, tục danh là Nguyễn Kim Muôn, một nhà sư trí thức tham gia chấn hưng Phật giáo

từ những năm đầu với ấn phẩm *Chấn Hưng Phật Giáo Năm 1929*. Sau một năm, ngày 22/3/1935, Thống đốc Nam Kỳ Michel Pagès ra Nghị định số 1356 công nhận Hội Phước Thiện Phật Giáo do sư Giai Minh giữ chức Hội trưởng, cùng với bản Điều lệ gồm bảy chương, 35 điều. Trụ sở của Hội đặt tại chùa Long Vân, Gia Định.

Năm 1937, *Hội Phật Học Kiêm Tế* ra đời ở Rạch Giá với vai trò của sư Thiện Chiếu (Nguyễn Văn Tài) - một trong những người tiên phong trong phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam. Nhưng tại thời điểm sắp được cấp giấy phép cho tổ chức Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học thì sư Thiện Chiếu đã chuyển đi chỗ khác vì một số bất đồng xung quanh việc triển khai đường hướng chấn hưng Phật giáo. Năm 1936 ông đến Rạch Giá gặp Hoà thượng Trí Thiền (tục danh Nguyễn Văn Đồng), nguyên là Hội phó của Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học, cũng là người nỗ lực chấn hưng Phật giáo. Hai ông đã thống nhất ý tưởng cho ra đời một tổ chức Phật giáo mới, nhằm hỗ trợ cho chấn hưng Phật giáo, đó là Hội Phật Học Kiêm Tế. Ngày 23/3/1937, Thống đốc Nam Kỳ là Michel Pagès ra Nghị định số 1068 công nhận Hội Phật Học Kiêm Tế (*Assosiation Bouhhdique et de Bienfaisance de Rachgia*) và bản Điều lệ 24 điều. Trụ sở của Hội Phật học Kiêm Tế đặt tại chùa Tam Bảo, Rạch Giá. Nhân sự lãnh đạo Hội Phật học Kiêm Tế gồm: Hoà thượng Nguyễn Văn Đồng giữ chức Chánh tổng lý, Hoà thượng Nguyễn Văn Ngộ và Hoà thượng Ngô Thành Nghị giữ chức Phó tổng lý. Hội Phật Học Kiêm Tế đã phát hành tạp chí *Tiến Hoá* do ông Đỗ Kiệt Triệu làm chủ nhiệm, Phan Thanh Hà làm chủ bút [Nguyễn Lang, 2019: 51].

Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Nam Kỳ cũng như cả nước kéo dài đến nửa cuối của thế kỷ XX - sau Cách mạng Tháng Tám (1945). Năm 1950, *Hội Phật Học Nam Việt* được thành lập tháng 9/1950 tại chùa Khánh Hưng Sài Gòn (nay là đường Cách mạng Tháng Tám, Thành phố Hồ Chí Minh). Hội Phật Học Nam Việt là tổ chức của cư sĩ Phật giáo. Ngày 25/02/1951, Thủ Hiến Nam Việt là ông Trần Văn Hữu đã ký Quyết định 2134-cab/DDA công nhận Hội Phật học Nam Việt cùng với bản Điều lệ xác định mục tiêu, trụ sở, tổ chức cùng những nội dung hoạt động của Hội.

Năm 1951, *Giáo hội Tăng Già Nam Việt* thành lập tại chùa Hưng Long, Sài Gòn. Nếu như Hội Phật Học Nam Việt là tổ chức của cư sĩ, thì Giáo hội Tăng Già Nam Việt là tổ chức của tăng sĩ. Vì là tổ chức thuộc Giáo hội nên các chức danh có phần khác với các tổ chức Phật giáo trước đây, như: Hoà thượng Đạt Thanh giữ chức Pháp chủ, Hoà thượng Thích Đạt Từ giữ chức Trị sự trưởng, Sư Thích Nhật Liên giữ chức Tổng Thư ký. Ngày 07/8/1952, Thủ hiến Nam Việt là ông Hồ Quang Hoà ký Quyết định 1645-cab/DDA công nhận Giáo Hội Tăng Già Nam Việt cùng bản Điều lệ theo quy chuẩn, xác định mục tiêu, trụ sở, tổ chức cùng chức năng và những nội dung hoạt động. Trụ sở đặt tại chùa Ấn Quang, Sài Gòn (nay là đường Sư Vạn Hạnh, Thành phố Hồ Chí Minh) [Vân Thanh, 1974: 251].

Cùng năm 1951, ở Nam Bộ có tổ chức Phật giáo ra đời với danh xưng *Giáo Hội Lục Hoà Tăng Nam Việt*. Tổ chức này được thành lập năm 1951, sau một lễ giỗ tổ tại chùa Giác Lâm (Sài Gòn), khi các tăng sĩ, Phật tử cùng bàn về giá trị của Lục hoà (sáu điều hoà hợp) trong tu hành. Tổ chức này ra đời sau Dự số 10 (1950) của Bảo Đại, nên những người sáng lập đã làm các thủ tục để được cấp phép hoạt động. Ngày 25/01/1952, Thủ hiến phủ Nam Việt cấp Giấy phép 270-VP/HCSV. Trụ sở lâm thời của Giáo Hội này đặt tại chùa Phật Ấn, đường Trần Hưng Đạo, Sài Gòn, với Hoà thượng Chánh Quang giữ chức Đại Tăng trưởng. Sau này, năm 1956, Giáo Hội Lục Hoà Tăng Nam Việt đã “liên kết” với tổ chức Cổ Sơn Môn Nam Việt, điều chỉnh bổ sung điều lệ và đổi tên gọi là Giáo Hội Lục Hoà Tăng Việt Nam, hoạt động trong phạm vi cả nước. Năm 1953, để mở rộng thành viên là cư sĩ, Giáo Hội Lục Hoà Tăng Nam Việt đã thành lập một tổ chức trực thuộc là *Giáo Hội Lục Hoà Phật Tử Nam Việt* do ông Trần Văn Đính giữ chức Hội trưởng, ông Đoàn Trung Còn giữ chức Phó Hội trưởng. Trụ sở của Giáo Hội Lục Hoà Phật Tử Nam Việt tại chùa Phật Ấn, Sài Gòn. Tháng 3/1954, chính quyền đương thời đã công nhận sự hợp pháp của Giáo Hội Lục Hoà Phật Tử Nam Việt.

Vấn đề pháp nhân liên quan đến phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Nam Bộ còn có trường hợp Tịnh Độ Cư sĩ Phật Hội và Phật Giáo Khất Sĩ. Tổ chức *Tịnh Độ Cư Sĩ Phật Hội* ra đời năm 1933 trong lúc phong

trào Chấn hưng Phật giáo đang diễn ra sôi nổi ở Nam Kỳ. Người sáng lập ra Tịnh độ Cư Sĩ Phật Hội là ông Nguyễn Văn Bông, pháp danh là Minh Trí quê ở Sa Đéc (nay là Đồng Tháp). Ngày 20/02/1934, Thống đốc Nam Kỳ là Jean-Félix Krautheimer cấp Nghị định số 619 cho phép Tịnh Độ Cư Sĩ Phật Hội (*L'Association du Bouddhisme de la Terre Pure*) hoạt động. Trụ sở của Tịnh độ Cư Sĩ Phật hội đặt tại chùa Hưng Long, đường Le Myre de Villers, Sài Gòn (nay là đường Ngô Gia Tự, Thành phố Hồ Chí Minh) [Nguyễn Lang, 2019: 61].

Phật giáo Khất Sĩ do ông Nguyễn Thành Đạt, pháp danh là Minh Đăng Quang, tục danh là Lý Hườn sinh năm 1923 tại Vĩnh Long thành lập. Ông Nguyễn Thành Đạt đã sang Campuchia tìm thầy học Phật giáo Nam tông một thời gian, sau đó trở về Việt Nam và khi 21 tuổi đã xuất gia theo Phật giáo (năm 1943). Sư Minh Đăng Quang thường lên vùng Thất Sơn (Bảy Núi) ở An Giang để tu học, theo cả Bắc tông và Nam tông. Đến năm 1946, sư thụ giới tỳ kheo ở chùa Linh Bửu (Mỹ Tho). Để thuận lợi cho việc truyền bá hệ phái Phật giáo mới, sư Minh Đăng Quang xin phép chính quyền để công khai hoạt động. Ngày 21/01/1953, Đốc phủ sứ Nguyễn Văn Diêu ký văn bản cho phép “Đoàn du tăng” của Phật giáo Khất Sĩ được mở rộng các hoạt động. Đây được coi là văn bản công nhận sự hợp pháp của Phật giáo Khất Sĩ.

Ngoài các tổ chức nói trên, chấn hưng Phật giáo ở Nam Kỳ còn có những tổ chức Phật giáo khác ra đời, có tổ chức được chính quyền đương thời chấp nhận, nhưng cũng có tổ chức không được chấp nhận vẫn hoạt động, như: *Liên Đoàn Học Xã* ra đời năm 1933 ở Trà Vinh sau chuyển về Bến Tre để chuyên lo việc đào tạo tăng tài. *Hội Phật Giáo Thiện Hữu* thành lập năm 1935 tại Long Xuyên; *Hội Phật Di Đà* thành lập ngày 05/9/1936 tại chùa Linh Nguyên, Sài Gòn được Thống đốc Nam Kỳ công nhận ngày 18/5/1936 qua Nghị định số 1661; *Hội Phật Giáo Quan Âm Tịnh Độ* thành lập năm 1940 được Thống đốc Nam Kỳ chấp thuận ngày 20/8/1940,...[Thích Thiện Hoa, 1970: 40].

2. Pháp nhân của các tổ chức Phật giáo ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam (năm 1951)

Chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ cũng diễn ra cuối những năm 1920 gắn với tên tuổi của các sư, trong đó nổi bật là sư Tâm Lai và sư Trí

Hải. Cuối những năm 1920, đầu những năm 1930, một số tăng sĩ và cư sĩ tiếp cận ấn phẩm *Hải Triều Âm* của Phật giáo Trung Quốc, và *Pháp Âm, Từ Bi Âm,...* của Phật giáo Nam Kỳ cùng với sự khích lệ của Sư Thiện Chiếu do Hòa thượng Khánh Hòa cử ra Hà Nội để vận động chấn hưng Phật giáo, nên họ có ý tưởng thành lập các tổ chức Phật giáo. Tuy nhiên, việc ra đời của tổ chức Phật giáo ở Bắc Kỳ trong phong trào Chấn hưng Phật giáo có những khúc mắc liên quan đến một số nhân sự cụ thể. Đầu năm 1932 cư sĩ Nguyễn Gia Huy (Chủ nhiệm báo *Thần Nông*) và Trần Đức Tiến (Hội trưởng Hội Cứu Tế Các Viên Chức Bản Xứ - ASECOURFI) gửi Thống sứ Bắc Kỳ và Toàn quyền Đông Dương xin thành lập *Hội Nghiên Cứu Phật Học* và bản dự thảo Điều lệ gồm chín điều. Tuy nhiên, đề nghị này không được chính quyền chấp thuận, một mặt vì lý do kinh tế của cá nhân người xin sáng lập; mặt khác, không đảm bảo thủ tục theo quy định, trong đó không có dự kiến nhân sự các thành viên của Ban Trị sự lâm thời [Ninh Thị Sinh, 2020: 79-80].

Tháng 11/1932, sư Trí Hải cùng một số cư sĩ như Vũ Đình Chung, Lê Toại, Trần Văn Giác,... làm đơn lên Phủ Toàn quyền Đông Dương, Thống xứ Bắc Kỳ và Tòa Đốc lý Hà Nội xin thành lập *Bắc Kỳ Phật Giáo Lục Hòa Hội* cùng với bản dự thảo Điều lệ gồm 12 chương, 66 điều và dự kiến nhân sự Ban trị sự lâm thời gồm 16 người, trong đó tám tăng sĩ và tám cư sĩ. Sau thời gian xem xét, chính quyền Pháp vẫn không chấp thuận việc thành lập Bắc Kỳ Phật Giáo Lục Hoà Hội vì một số các nhân vật sáng lập liên quan đến chính trị; mặt khác, không như ở Nam Kỳ việc chấn hưng Phật giáo được xem là giải pháp cần thiết góp phần hạn chế ảnh hưởng của đạo Cao Đài. Trong văn thư số 2346, ngày 11/02/1933 gửi Đốc lý Hà Nội, Thống sứ Bắc Kỳ chỉ rõ về việc này: “*ông không có bốn phận phải cho phép Bắc Kỳ Phật Giáo Lục Hoà Hội thành lập*” [Ninh Thị Sinh, 2020: 89].

Không được chấp thuận, nhưng sư Trí Hải không nản lòng. Ông cùng với các cư sĩ về Hà Nam lập ra *Phật Học Tùng Thư* để phát hành kinh sách mang tính chất truyền bá giáo lý nhà Phật. Chính những ấn phẩm của Phật Học Tùng Thư đã là cầu nối đến các nhân sĩ, trí thức có ảnh hưởng trong xã hội ở Bắc Kỳ đương thời, như Nguyễn Năng

Quốc, Trần Trọng Kim, Trần Văn Giáp, Hoàng Trọng Phu, Thiều Chửu, Bùi Kỷ, Dương Bá Trạc,...như bước chuẩn bị cho sự ra đời *Hội Phật Giáo Bắc Kỳ* năm 1934.

Sư Thích Trí Hải được sự ủng hộ của các cư sĩ có danh tiếng trong xã hội, đã chuẩn bị thành lập *Hội Phật Giáo Bắc Kỳ* cùng hồ sơ và những thủ tục xin phép chính quyền. Những người thành lập Hội Phật Giáo Bắc Kỳ đã trình Thống sứ Bắc Kỳ và Toàn quyền Đông Dương văn bản xin công nhận cùng bản dự thảo Điều lệ gồm 19 khoản, dự kiến nhân sự Ban Quản trị lâm thời và trụ sở của Hội. Do ảnh hưởng của các nhân sĩ, trí thức, nhất là ông Nguyễn Năng Quốc và ông Trần Trọng Kim, đồng thời với xác định không liên quan đến chính trị, nên Hội Phật giáo Bắc Kỳ được chính quyền đương thời chấp thuận qua hai văn bản, cụ thể: ngày 06/11/1934, Thống sứ Bắc Kỳ Auguste Tholance ra Nghị định số 4283 chấp thuận thành lập [Lê Tâm Đắc, 2012: 151]; sau đó ngày 29/4/1936, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định chính thức công nhận tư cách pháp nhân của Hội Phật giáo Bắc Kỳ do ông Nguyễn Năng Quốc giữ chức Hội trưởng, sư Tổ Vĩnh Nghiêm - Hoà thượng Thích Thanh Hanh giữ chức Thuyền gia Pháp chủ [Ninh Thị Sinh, 2020: 79-80]. Ngày 19/5/1945, Hội Phật Giáo Bắc Kỳ họp thường niên đã quyết định đổi tên là: *Hội Việt Nam Phật Giáo*. Ban Quản trị đầu tiên của Hội Phật Giáo Bắc Kỳ gồm 13 người, do ông Nguyễn Năng Quốc Chánh giữ chức Hội trưởng, ông Nguyễn Văn Ngọc giữ chức Phó Hội trưởng thứ nhất, ông Nguyễn Quốc Thành giữ chức Phó Hội trưởng thứ nhì, ông Trần Văn Phúc giữ chức Chánh Thư ký, ông Phạm Mạnh Xứng giữ chức Tổng Thủ quỹ. Cũng như một số tổ chức Phật giáo ở Nam Kỳ, Hội Phật Giáo Bắc Kỳ có một số hội viên danh dự là quan chức người Pháp, người Việt [Lê Tâm Đắc, 2012: 153]. Trụ sở Hội Phật giáo Bắc Kỳ đặt tại chùa Quán Sứ, Hà Nội.

Sau khi được cấp giấy phép hoạt động, ngày 23/12/1934, ông Nguyễn Năng Quốc và Ban Quản trị tổ chức lễ thành lập chính thức với quy mô lớn tại chùa Quán Sứ với sự tham dự của sư Tổ Vĩnh Nghiêm và hơn 300 vị sư tăng từ các sơn môn toàn miền Bắc, cùng hàng nghìn cư sĩ, Phật tử. Đây là sự kiện “*Đánh dấu chính thức sự*

khởi phát phong trào chấn hưng Phật giáo ở đất Bắc”[Nguyễn Lang, 1985: 148]. Và cũng từ đây, chùa Quán Sứ trở thành trung tâm của Phật giáo ở miền Bắc và Phật giáo cả nước. Sau một thời gian hoạt động, tháng 12/1935, Hội Phật Giáo Bắc Kỳ chính thức xuất bản báo *Đuốc Tuệ* do ông Nguyễn Năng Quốc làm Chủ nhiệm, sư Phạm Trung Thứ làm Phó Chủ nhiệm, Ban Biên tập gồm các sư, như: Thái Hoà Tố Liên, Trí Hải,... các cư sĩ, như Dương Bá Trạc, Bùi Kỳ, Trần Văn Giáp, Nguyễn Can Mộng,...[Nguyễn Đại Đồng, 2008].

Chặng đường thành lập và công nhận pháp nhân của Hội Phật Giáo Bắc Kỳ cũng gặp phải những khó khăn, không chỉ từ phía chính quyền mà còn ngay trong nội bộ Phật giáo. Đó là phản ứng của một bộ phận tăng sĩ Phật giáo dưới danh xưng *Bắc Kỳ Phật Giáo Cổ Sơn Môn* - một sự hợp thành của một bộ phận Tăng Ni của hai sơn môn Linh Quang và Hồng Phúc có tổ đình là chùa Bà Đá, chùa Hòe Nhai (đầu thế kỷ XX). Về mặt pháp lý, Bắc Kỳ Phật Giáo Cổ Sơn môn không có giấy phép thành lập nhưng có xuất bản tạp chí *Tiếng Chuông Sớm*, được chính quyền bảo hộ cho phép theo Nghị định số 649 ngày 31/01/1935 của Toàn quyền Đông Dương với số đầu tiên ra mắt là tháng 6/1935.

Sự phản ứng của Bắc Kỳ Phật Giáo Cổ Sơn Môn đối với Hội Phật Giáo Bắc Kỳ bắt đầu từ việc phát biểu với ngôn từ được đánh giá là “quá nặng nề” của ông Nguyễn Năng Quốc trên báo Đông Pháp ngày 23/12/1934, rằng chư tăng là những người phải chịu trách nhiệm trước sự suy vi của đạo Phật, vì: “... người đi tu không hiểu giáo lý, đi tu không nghiên cứu Phật học, những kẻ trai thời lánh sư lẩn tuế, gái thời trốn chúa lộn chôn, mượn cửa thiền làm chỗ giữ nhà, thông thả....” [Ninh Thị Sinh, 2020: 124]. Sau này, khi tạp chí *Tiếng Chuông Sớm* được phép xuất bản, Phật giáo Bắc Kỳ Cổ Sơn Môn đã đề nghị Hội Phật Giáo Bắc Kỳ cổ động việc phát hành nhưng bị từ chối. Tuy nhiên, sự phản ứng của Bắc Kỳ Phật Giáo Cổ Sơn Môn cũng chỉ nhất thời, và phong trào Chấn hưng Phật giáo được hình thành, vai trò của Hội Phật Giáo Bắc Kỳ đã được khẳng định.

Riêng trường hợp chấn hưng Phật giáo ở Trung Kỳ diễn ra khác với Nam Kỳ và Bắc Kỳ. Mặc dù nhà Nguyễn là nhà nước phong kiến đề

cao Nho giáo, nhưng vẫn trọng Phật giáo theo cơ chế “Cư Nho, mộ Thích” nên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Phật giáo vẫn giữ nếp đạo và duy trì được sự ổn định so với Nam Kỳ và Bắc Kỳ. Khi phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Nam Kỳ đã lan ra Trung Kỳ và Bắc Kỳ, các hoạt động Chấn hưng Phật giáo ở Trung Kỳ cũng sôi nổi, với một số nhà sư, điển hình là Hòa thượng Giác Tiên, Hòa thượng Thích Tịnh Khiết,... và các cư sĩ trí thức, trong đó xuất sắc có ông Lê Đình Thám. Về mặt tổ chức ở Trung Kỳ, năm 1932 *An Nam Phật Học Hội* được thành lập, sau đổi thành *Hội Phật Học Trung Việt*. An Nam Phật Học Hội do Lê Đình Thám giữ chức Hội trưởng, trụ sở đặt tại chùa Từ Đàm, Huế. Để hỗ trợ cho công việc chấn hưng Phật giáo, năm 1933, tạp chí *Viên Âm* ra số đầu tiên do ông Lê Đình Thám là chủ bút [Vân Thanh, 1974: 223]. Cùng với sự ra đời của An Nam Phật Học Hội, ở Trung Kỳ còn hình thành các cơ sở đào tạo tăng tài, như: Phật Học Đường Báo Quốc (1935) về sau chuyển về Kim Sơn; Phật Học Đường Trúc Lâm, sau chuyển về Tây Thiên,... Đặc biệt, ở Trung Kỳ, An Nam Phật Học Hội còn hình thành thêm hai tổ chức của thanh niên Phật tử là *Đoàn Đồng Ấu Phật Tử* thành lập năm 1935 tại Huế và *Đoàn Phật Học Đức Dục* thành lập năm 1940, cũng tại Huế. Hai tổ chức này là tiền đề cho việc ra đời tổ chức *Gia Đình Phật Tử* năm 1947 tồn tại cho đến sau ngày giải phóng miền Nam.

Vì nhiều lý do, có thể là theo cơ chế truyền thống, hoặc nhà Nguyễn thấy không cần thiết, hay có thể là để cân đối với đạo Cao Đài và đạo Tin Lành đang bị cấm ở miền Trung,... nên nhà Nguyễn không ủng hộ việc thành lập các tổ chức Phật giáo ở Trung Kỳ. Thời kỳ này, có hai văn bản liên quan đến việc nhà Nguyễn không cho hoạt động của đạo Cao Đài và chấn hưng Phật giáo ở Trung Kỳ, đó là Thông tri số 40, ngày 06/3/1929 và Thông tri số 1104, ngày 19/6/1935 của Bộ Lễ. Thông tri số 1104 viết: “*Nhiều tỉnh vừa báo cáo cho tôi biết về hoạt động của những người truyền đạo Cao Đài trong dân An Nam ở Trung Kỳ. Vấn đề này tôi nhắc nhở các ông rằng việc theo đạo Cao Đài và truyền đạo Cao Đài hay Phật giáo chấn hưng vẫn còn bị cấm ở Trung Kỳ, chiếu theo các quy định vẫn còn hiệu lực của Thông tri số 40 ngày 25 tháng giêng năm Bảo Đại thứ tư (06/3/1928), và những người vi phạm các quy định đó sẽ bị truy tố...*” [Huệ Khải, 2020: 17,

29]. Có lẽ, với những văn bản của nhà Nguyễn như vậy, Toàn quyền Đông Dương cũng không có văn bản công nhận các tổ chức chấn hưng Phật giáo ở Trung Kỳ.

Trong phong trào Chấn hưng Phật giáo nửa đầu thế kỷ XX, liên quan đến pháp nhân Phật giáo, còn trường hợp Hội Hiến Sinh Trung Kỳ. Hội này thành lập năm 1942 tại chùa Diệc Cổ, thành phố Vinh, là một trung tâm Phật giáo lớn ở Nghệ An đương thời. Hội Hiến Sinh Trung Kỳ chủ trương đưa Phật giáo vào giới trẻ theo định hướng của chấn hưng Phật giáo. Cách thức, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội này tương tự các đoàn thể Phật giáo đương thời ở Huế, như Ban Đồng Ấu, Gia Đình Phật Hóa Phổ, Đoàn Thanh Niên Phật Học Đức Dục, và sau này là Gia Đình Phật Tử. Sau khi thành lập, những người đứng đầu tổ chức Hội Hiến Sinh Trung Kỳ đã làm văn bản xin công nhận để hoạt động hợp pháp theo quy định hiện hành. Ngày 03/6/1942, Giám đốc Thanh Niên Đông Pháp là Ducoroy ký Nghị định 1184-CGSJ công nhận Hội Thiện Sinh Trung Kỳ (*Groupe des Enfants Bouddhistes en Annam - GEBA*) là một chi nhánh của Hiệp Hội Thanh Niên Đông Pháp. Sau đó một năm, ngày 08/6/1943, Khâm sứ Trung Kỳ là Francois Grandjean phê chuẩn qua Nghị định số 1972, chính thức cho phép Hội Hiến Sinh Trung Kỳ hoạt động. Cũng dịp này, Hội Hiến Sinh Trung Kỳ tổ chức ra mắt tại chùa Diệc Cổ, nơi chọn làm trụ sở của Hội. Hội trưởng là sư Kim Chương, trụ trì chùa Diệc Cổ, Hội đồng chứng minh là sư Ái Liên, cùng với sự tham gia của các phật tử tiêu biểu là ông Trùng Mẫn và bà Tôn Nữ Thị Giàu.

Phong trào Chấn hưng Phật giáo tính đến thời điểm năm 1945 có đến gần hai chục tổ chức Phật giáo được hình thành. Tuy nhiên, vì những lý do khác nhau, có tổ chức chỉ tồn tại trong một thời gian nhất định. Ở cả ba kỳ, đều có ba tổ chức Phật giáo theo cơ chế hội thể tục của cư sĩ tồn tại đến sau năm 1945, đó là: *Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học* (quen gọi là Hội Nam Kỳ Phật Học), *An Nam Phật Học Hội*, *Hội Phật Giáo Bắc Kỳ*. Sau năm 1945, phong trào Chấn hưng Phật giáo còn hình thành các tổ chức của tăng sĩ (thường gọi chung là tăng già theo nghĩa hòa hợp tăng ni), như là sự “bù đắp” chức năng tôn giáo cho các tổ chức tôn giáo theo cơ chế hội thể tục của cư sĩ.

Cụ thể như *Hội Chính lý Tăng Ni Bắc Việt* thành lập năm 1949 đến năm 1950 đổi thành *Hội Tăng già Bắc Việt* do Thượng tọa Thích Tố Liên giữ chức Hội trưởng, trụ sở tại chùa Quán Sứ, Hà Nội; *Hội Tăng già Trung Việt* thành lập năm 1949 do Hòa thượng Thích Tịnh Khiết giữ chức Hội trưởng, trụ sở tại chùa Linh Quang, Huế; *Hội Tăng già Nam Việt* năm 1951 do Hòa thượng Đạt Thanh giữ chức Hội trưởng (lâm thời), trụ sở tại chùa Khánh Hưng, Sài Gòn, sau chuyển về chùa Phước Hoà, Sài Gòn. Riêng tổ chức Hội tăng già Nam Việt có sự cấp phép của chính quyền đương thời qua văn bản đề ngày 11/9/1951 [Vân Thanh, 1974: 252]. Do tên gọi và chức năng, nhiệm vụ, nên đa số ý kiến cho rằng ba tổ chức Tăng già ở ba miền là thuộc tăng sĩ, còn ba tổ chức Phật học ở ba miền là thuộc cư sĩ [Thích Thiện Hoa, 1970: 82].

Kết quả của phong trào Chấn hưng Phật giáo ở cả ba kỳ đã đưa đến việc thành lập Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam vào năm 1951. Cụ thể ngày 06 đến ngày 09/5/1951, có đến 51 đại biểu đại diện cho sáu tổ chức của tăng ni và cư sĩ của ba miền họp tại chùa Từ Đàm (Huế), chính thức ra đời *Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam* do Hòa thượng Thích Tịnh Khiết giữ chức Hội chủ. Việc thành lập một tổ chức chung cho Phật giáo cả nước là kết quả của phong trào Chấn hưng Phật giáo đồng khắp ở cả ba kỳ, và đồng thời được thúc đẩy bởi sự ra đời của tổ chức Thân Hữu Phật Tử Thế giới (*The World Fellowship of Bouddhists - WFB*) thành lập năm 1950 ở Sri Lan Ca, với đại diện của Phật giáo Việt Nam là Thượng tọa Tố Liên - người có nhiều nỗ lực trong phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ. Mặc dù buổi đầu là sự “hội duyên” nhanh chóng, mang tính liên hiệp (hiệp hội) nhưng Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam cũng đã xây dựng đầy đủ Điều lệ và Nội quy. Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam đặt trụ sở tại Huế và lấy ngày mùng 8 tháng Tư âm lịch là ngày kỷ niệm thành lập Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam.

Theo quy định hiện hành, Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam là tổ chức tôn giáo nhưng mang tính thế tục liên quan nhiều đến cư sĩ. Do vậy, các tăng sĩ tiêu biểu của ba tổ chức Tăng già ở ba miền đã chủ động chuẩn bị thành lập một tổ chức chung cho tăng sĩ mang chức năng tôn giáo. Ngày 25/5/1952, Thượng tọa Tố Liên người đứng đầu Hội Tăng già Bắc Việt vào Huế tổ chức hội nghị trù bị thành lập Ban tổ chức do

Thượng tọa Tố Liên giữ chức Trưởng ban để tiến tới thành lập tổ chức chung cho cả nước. Sau một thời gian chuẩn bị, từ ngày 08 đến ngày 14/9/1952, Hội nghị Tăng già toàn quốc họp tại chùa Quán Sứ, Hà Nội thành lập ra *Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc Việt Nam* (quen gọi là Giáo hội Tăng Già Việt Nam), suy tôn Hòa thượng Tuệ Tạng giữ chức Thượng chủ. Trụ sở Giáo hội Tăng già Việt Nam đặt tại chùa Quán Sứ [Thích Thiện Hoa, 1970: 82].

Sau khi thành lập, Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tiến hành ngay các thủ tục theo quy định để xin chính quyền đương thời công nhận tư cách pháp nhân, như Điều lệ và Quy chế hoạt động. Có lẽ Pháp và chính quyền Quốc gia Việt Nam lo ngại Phật giáo là một tôn giáo lớn có truyền thống yêu nước, tinh thần dân tộc nên nếu được công nhận sẽ có lợi cho Việt Nam Dân chủ cộng hòa. Do vậy, sau thời gian xem xét và do dự, mãi đến năm 1953, Chính phủ Quốc gia Việt Nam mới ra văn bản công nhận qua Nghị định 45/MI/DAP, ngày 08/7/1953 chính thức công nhận Tổng Hội Phật giáo Việt Nam [Duong Thanh Mừng, 2022: 346]. Riêng với Giáo Hội Tăng Già Việt Nam, theo quy định hiện hành không phải là hội thể tục như ba tổ chức Tăng Già ở ba miền: Bắc - Trung - Nam ra đời trước đó, nên không có sự công nhận của chính quyền đương thời.

Một trong những nội dung quan trọng của chấn hưng Phật giáo ở ba kỳ là truyền bá giáo lý Phật giáo và chấn chỉnh việc tu hành, nên các tổ chức Phật giáo ra đời đều hình thành cơ sở truyền thông hoặc là báo, tạp chí, hoặc cơ sở xuất bản kinh sách. Từ năm 1928 đến năm 1954, phong trào Chấn hưng Phật giáo có đến 25 tờ báo, tạp chí, nguyệt san, bán nguyệt san, cơ sở xuất bản. Cụ thể: từ năm 1928 đến năm 1945, có các tờ: *Pháp Âm* (1929), *Phật Giáo Tân Thanh Niên* (1930), *Từ Bi Âm* (1931), *Viên Âm* (1933), *Phật Học Tùng Thư* (1933), *Tiếng Chuông Sớm* (1935), *Đuốc Tuệ* (1935), *Duy Tâm Phật Học* (1935), *Pháp Âm* (1936), *Bồ Đề* (1936)², *Tam Báo Chí* (1935), *Tiến Hoá* (1936), *Quán Âm* (1938), *Tinh Tiến* (1944); từ năm 1945 đến năm 1954 có các tờ: *Toà Sen* (1945), *Diệu Âm* (1945), *Giải Thoát* (1946), *Tinh Tấn* (1947), *Phật Giáo Văn Tập* (1947), *Phương Tiện* (1949), *Tin Từ Phật Giáo* (1951), *Giác Ngộ* (1949), *Viên Âm*

(1949), *Hương Thiện* (1950), *Liên Hoa* (1951),... [Nguyễn Đại Đồng, 2008: 81].

Trong số 25 tờ báo, tạp chí thời kỳ chấn hưng Phật giáo, có một số trường hợp được chính quyền đương thời cấp giấy phép hoạt động. Cụ thể, ngày 30/4/1930, Toàn quyền Đông Dương cho phép xuất bản tạp chí *Từ Bi Âm*; ngày 30/6/1933, Toàn quyền Đông Dương cho phép xuất bản tạp chí *Viên Âm* thuộc An Nam Phật Học Hội; ngày 31/01/1935, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định số 649 cho phép xuất bản tạp chí *Tiếng Chuông Sớm* thuộc Bắc Kỳ Phật Giáo Cổ Sơn Môn; ngày 05/7/1935, Thống đốc Nam Kỳ cho phép xuất bản tạp chí *Duy Tâm* thuộc Luỡng Xuyên Phật Học; ngày 30/12/1936, Thống đốc Nam Kỳ cho phép xuất bản tạp chí *Bát Nhã Âm* thuộc Thiên Thai Giáo Quán Tông,...[Thích Minh Tuệ, 1993].

Thay lời kết

Pháp nhân, pháp nhân tôn giáo được chính quyền Pháp thực hiện ở Việt Nam vào đầu thế kỷ XX. Do vậy, hầu hết các tổ chức chính trị, văn hoá, xã hội và tôn giáo đều được chính quyền đương thời thừa nhận. Các tổ chức Phật giáo ra đời trong phong trào chấn hưng Phật giáo được công nhận tư cách pháp nhân đều phải đảm bảo những quy định, như: tên gọi của tổ chức, tôn chỉ, mục đích, trụ sở, cơ cấu tổ chức, phạm vi hoạt động, cơ chế hoạt động, các mối quan hệ tôn giáo và xã hội,... được thể hiện trong điều lệ (sau này gọi là hiến chương). Tuỳ theo cơ chế của vùng, miền mà các cơ quan có thẩm quyền ra văn bản công nhận pháp nhân nếu hội đủ điều kiện.

Điều đáng quan tâm, việc công nhận pháp nhân tôn giáo trước năm 1954 theo cơ chế của Pháp được vận dụng trở thành những qui định pháp luật đối với thể chế chính trị giai đoạn chính quyền Việt Nam Cộng hoà ở miền Nam những năm 1954-1975. Sau này, Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng thực hiện việc công nhận tư cách pháp nhân đối với các tổ chức tôn giáo theo quy định của pháp luật, nhất là từ khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới. Đến nay, ở Việt Nam có 41 tổ chức tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân, trong đó 38 tổ chức được công nhận trong thời kỳ đổi mới chính sách đối với tôn giáo./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Các tổ chức Phật giáo được tác giả giữ đúng theo tên và cách viết của thời điểm được công nhận.
- 2 Bồ Đề tạp chí 1936 của chùa Thiên Phước Sóc Trăng và Bồ Đề nguyệt san năm bán nguyệt san 1949 của Hội Phật tử Việt Nam [Nguyễn Đại Đồng, 2008: 81].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Tâm Đắc (2012), *Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam (1924-1954)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Đại Đồng (2008), *Lược khảo báo chí Phật giáo Việt Nam (1929-2008)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Bồ đề Tân Thanh - Nguyễn Đại Đồng (2008), *Biên niên sử Phật giáo miền Bắc (1920-1953)*, tập 3, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. Thích Thiện Hoa (1970), *50 năm (1929-1970), Chấn hưng Phật giáo Việt Nam*, tập 1, Sài Gòn.
5. Holmes Welch (2023), *Phong trào Chấn hưng Phật giáo Trung Quốc* (Thích Thiện Chánh dịch), Nxb. Thuận Hoá, Huế.
6. Huệ Khải (2012), *Cám đạo Cao Đài ở Trung Kỳ (1928-1950)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. Nguyễn Lang (1985), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, In lần thứ nhất, Lá Bối, Paris.
8. Nguyễn Lang (2019), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập III, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
9. Dương Thanh Mừng (2022), *Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở miền Nam Việt Nam*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
10. Thích Thiện Nhơn (2020), “Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam một chặng đường phục vụ đạo pháp và dân tộc”, *Văn hoá Phật giáo*, số 351.
11. Ninh Thị Sinh (2020), *Phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ - Trường hợp Hội Phật giáo (1934-1945)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Vân Thanh (1974), *Lược khảo Phật giáo Việt Nam qua các thời đại và phát nguồn của các giáo phái Phật giáo*, Sài Gòn.
13. Thích Minh Tuệ (1993), *Lược sử Phật giáo Việt Nam*, Thành Hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh.
14. Mai Thọ Truyền (2007), *Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
15. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, *Dụ số 10 ngày 06 tháng 8 năm 1950 Quy định thể lệ lập hội*, Hồ sơ 7139 - Phòng Đệ nhất Cộng hoà.
16. Viện Triết học (1991), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Nguyễn Thanh Xuân (2016), *Một số tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

Abstract:**ISSUES OF THE LEGAL ENTITY OF BUDDHISM IN
VIETNAM BEFORE 1954****Nguyen Thanh Xuan***Institute for Research on Belief and Religion, Ho Chi Minh
National Academy of Politics*

The legal entity is the legal status and legitimacy of a political, economic, cultural, social, and religious organization. The legal entity of religion is the government's recognition of the legality of a religious organization. The article specifically discusses the legal status of Buddhism related to the Buddhist revival movement in the early twentieth century with the emergence of many Buddhist organizations in three regions of the country, especially in Cochinchina. During the movement before 1954, there were about 20 Buddhist organizations established in specific times and places. Although each Buddhist organization had a different organizational mechanism and scope of activities, it was related to the founder, leader, charter, etc. And most Buddhist organizations born in this period had the approval of the current government.

Keywords: Religious policies, Religious legal entities; Buddhist organizations, Vietnam.